



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh Nghiệp số</b>	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 6 tháng 7 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Quyết định cổ phần hóa</b>	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Diệu Chí Hào Bà Trần Thị Thanh Phương  Ông Lê Thiết Hùng Ông Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 21 tháng 4 năm 2012) Thành viên Thành viên (đến ngày 21 tháng 4 năm 2012)
--------------------------	--	---

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Đức Khiêm Ông Trần Chí Nguyễn Ông Nguyễn Hữu Phú Ông Lê Thiết Hùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng
--------------------------	--	---

<b>Trụ sở đăng ký</b>	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

<b>Đơn vị kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 4 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm  
*Tổng Giám đốc*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>388.090.995.255</b>	<b>343.225.578.165</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>57.675.118.100</b>	<b>37.446.699.287</b>
Tiền	111		23.675.118.100	27.446.699.287
Các khoản tương đương tiền	112		34.000.000.000	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>125.286.056.039</b>	<b>117.962.710.809</b>
Phải thu khách hàng	131		117.537.565.277	106.275.122.989
Trả trước cho người bán	132		787.226.971	1.530.348.148
Các khoản phải thu khác	135		7.057.629.648	10.238.572.427
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(96.365.857)	(81.332.755)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>202.812.110.272</b>	<b>186.159.213.627</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.317.710.844</b>	<b>1.656.954.442</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.418.418	804.521.030
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	451.794.490
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.207.292.426	400.638.922
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>308.098.452.961</b>	<b>330.416.235.620</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>215.282.367.719</b>	<b>247.266.431.861</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	214.823.822.264	245.959.894.449
Nguyên giá	222		521.721.017.152	523.728.448.356
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(306.897.194.888)	(277.768.553.907)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	458.545.455	1.306.537.412
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>1.084.549.756</b>	<b>1.352.250.631</b>
Nguyên giá	241		26.605.778.414	26.605.778.414
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(25.521.228.658)	(25.253.527.783)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>91.693.371.598</b>	<b>81.663.517.697</b>
Đầu tư vào công ty con	251		75.799.934.464	75.799.934.464
Đầu tư vào công ty liên doanh	252		7.058.786.163	7.058.786.163
Đầu tư dài hạn khác	258		9.350.000.000	2.550.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(515.349.029)	(3.745.202.930)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.163.888</b>	<b>134.035.431</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		38.163.888	134.035.431
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>696.189.448.216</b>	<b>673.641.813.785</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>270.470.402.806</b>	<b>311.767.414.143</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>270.470.402.806</b>	<b>245.886.588.466</b>
Vay ngắn hạn	311	11	154.723.890.765	121.269.980.641
Phải trả người bán	312	12	45.989.468.593	30.725.422.015
Người mua trả tiền trước	313		1.007.333.997	2.647.886.156
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	8.800.042.110	828.644.852
Phải trả nhân viên	315		28.022.306.307	27.374.785.434
Chi phí phải trả	316		483.431.794	698.507.185
Các khoản phải trả khác	319	14	29.343.832.926	60.735.433.953
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		2.100.096.314	1.605.928.230
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>65.880.825.677</b>
Vay dài hạn	334	15	-	64.199.077.617
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	-	1.681.748.060
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>425.719.045.410</b>	<b>361.874.399.642</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>425.719.045.410</b>	<b>361.874.399.642</b>
Vốn cổ phần	411	18	200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.172.727.273	2.172.727.273
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(136.290.628)
Quỹ đầu tư phát triển	417	19	47.700.748.981	47.700.748.981
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	5.696.073.596	5.696.073.596
Lợi nhuận chưa phân phối	420		170.149.495.560	106.441.140.420
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>696.189.448.216</b>	<b>673.641.813.785</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

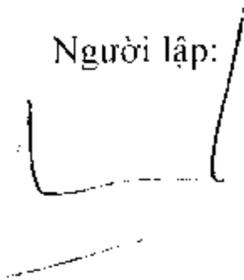
**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
Ngoại tệ USD	31.935,96	5.095,73

---

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
*Tổng Giám đốc*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>1.509.726.330.357</b>	<b>1.611.064.018.188</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>2.654.895.250</b>	<b>277.570.826</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>1.507.071.435.107</b>	<b>1.610.786.447.362</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>1.329.756.183.189</b>	<b>1.414.501.948.544</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>177.315.251.918</b>	<b>196.284.498.818</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.964.290.957	14.011.182.135
Chi phí tài chính	22	24	10.575.855.791	53.878.474.510
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.718.759.336</i>	<i>27.569.842.810</i>
Chi phí bán hàng	24		9.961.577.711	9.257.297.536
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.868.563.635	35.965.082.425
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>122.873.545.738</b>	<b>111.194.826.482</b>
Thu nhập khác	31	25	23.796.477.682	37.999.427.249
Chi phí khác	32	26	15.905.748.852	36.386.420.843
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.890.728.830</b>	<b>1.613.006.406</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>130.764.274.568</b>	<b>112.807.832.888</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>27</b>	<b>20.447.988.228</b>	<b>14.083.692.838</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>110.316.286.340</b>	<b>98.724.140.050</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>130.764.274.568</b>	<b>112.807.832.888</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		37.357.313.560	39.505.688.206
Các khoản dự phòng	03		(3.214.820.799)	2.749.177.187
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		5.542.136	4.586.100.830
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.581.429.064)	(7.685.045.814)
Chi phí lãi vay	06		11.718.759.336	27.569.842.810
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>164.049.639.737</b>	<b>179.533.596.107</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(12.120.438.733)	7.326.643.747
Biến động hàng tồn kho	10		(16.652.896.645)	(49.270.626.298)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		16.081.641.962	(12.286.398.455)
Biến động chi phí trả trước	12		789.974.155	(439.473.411)
			<b>152.147.920.476</b>	<b>124.863.741.690</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(11.718.759.336)	(27.593.632.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(16.182.371.400)	(20.744.653.541)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.113.763.116)	(3.813.041.458)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>118.133.026.624</b>	<b>72.712.413.939</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.763.158.028)	(21.054.172.079)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		364.000.000	806.681.841
Tiền chi cho vay	23		(9.300.000.000)	(8.550.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24		12.000.000.000	5.850.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(20.720.000.000)	(15.182.095.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác			-	1.614.615.796
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		7.536.052.556	5.694.467.948
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(15.883.105.472)</b>	<b>(30.820.501.494)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã Thuyết số minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	55.172.727.273
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	738.803.212.772	859.700.975.910
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(769.415.156.547)	(921.143.167.303)
Tiền chi trả cổ tức	36	(51.404.414.625)	(27.993.210.000)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(82.016.358.400)</b>	<b>(34.262.674.120)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>20.233.562.752</b>	<b>7.629.238.325</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>37.446.699.287</b>	<b>29.892.894.078</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>	<b>(5.143.939)</b>	<b>(75.433.116)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>57.675.118.100</b>	<b>37.446.699.287</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:



Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Tổng vốn điều lệ của Công ty được đăng ký trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 200.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 1.314 nhân viên (31/12/2011: 1.291 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính này là các báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, nếu cần, trong các báo cáo tài chính này. Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con và phát hành riêng các báo cáo này.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Việt Nam Đồng (“VND”).

## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để Công ty không bị lỗ trong năm;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty thay đổi chính sách kế toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá phù hợp với Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 Tháng 10 năm 2012 do Bộ Tài chính quy định về việc công nhận, đo lường và xử lý chênh lệch tỷ giá của các doanh nghiệp. Theo các chính sách kế toán mới, tất cả các chênh lệch tỷ giá được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư, kể cả các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, được phân ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu giá thị trường của các khoản đầu tư xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư chịu lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 6 – 38 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 5 – 9 năm  |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 8 năm  |



## **Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

#### ***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập từ 1% đến 3% của tổng quỹ lương theo hướng dẫn trong Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài Chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nợ tối đa của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được tính theo Bộ luật Lao động là 18 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 14.3 tỷ VND). Khoản này được tính mà không áp dụng phương pháp thống kê xác suất có sử dụng tỷ lệ chiết khấu, tăng lương, tử vong và tỷ lệ tiêu hao trong tương lai.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Circular 18”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư 180 này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Tài khoản 351 – Quỹ trợ cấp mất việc làm) của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Thông tư 180 cũng áp dụng cho dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vào thu nhập khác cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và sẽ không tiếp tục trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này sẽ được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc trước đây, các khoản dự phòng và lãi thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ lần lượt tăng và giảm 1.135 triệu VND.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(l) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ mức độ đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn nằm trong nhóm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tất cả các tài sản tài chính khác nằm trong nhóm các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán đều nằm trong nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Vốn chủ sở hữu**

**(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu***

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

**(o) Doanh thu**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(p) Doanh thu lãi tiền gửi**

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**(u) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm công ty con, liên doanh, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên doanh của công ty mẹ.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	5.330.500	14.658.000
Tiền gửi ngân hàng	23.669.787.600	27.432.041.287
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	57.675.118.100	37.446.699.287
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng gồm:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu công ty con	680.537.180	441.060.327
Phải thu công ty liên doanh	455.810.836	776.205.279
Phải thu các công ty liên quan khác	5.423.066.520	4.777.141.163
Phải thu các bên thứ ba	110.978.150.741	100.280.716.220
	<hr/>	<hr/>
	117.537.565.277	106.275.122.989
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho vay công ty con	-	2.400.000.000
Cho vay bên thứ ba	-	300.000.000
Cổ tức phải thu từ các công ty liên quan khác	5.460.907.993	6.371.672.000
Lãi phải thu	169.750.000	-
Phải thu khác	1.426.971.655	1.166.900.427
	<hr/>	<hr/>
	7.057.629.648	10.238.572.427
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu từ các công ty con, và liên doanh và các công ty liên quan khác không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	35.469.172.238	13.861.670.359
Nguyên vật liệu	37.532.877.924	34.447.416.342
Công cụ và dụng cụ	15.875.916	65.434.227
Sản phẩm dở dang	21.406.721.588	24.419.893.130
Thành phẩm	107.266.717.264	113.240.302.422
Hàng hóa	1.120.745.342	124.497.147
	<hr/>	<hr/>
	202.812.110.272	186.159.213.627
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hàng tồn kho của Công ty được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo các khoản vay cấp cho Công ty (xem thuyết minh 11).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	52.823.321.396	1.022.500.841	459.761.404.286	10.121.221.833	523.728.448.356
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	142.616.364	5.530.051.803	938.481.818	6.611.149.985
Tài sản đem góp vốn	(3.954.592.000)	-	(15.751.754)	-	(3.970.343.754)
Thanh lý	-	-	(4.228.659.783)	(419.577.652)	(4.648.237.435)
Số dư cuối năm	48.868.729.396	1.165.117.205	461.047.044.552	10.640.125.999	521.721.017.152
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	41.875.862.447	760.678.088	230.373.973.298	4.758.040.074	277.768.553.907
Khấu hao trong năm	1.420.519.626	103.580.306	34.188.085.848	1.377.426.905	37.089.612.685
Tài sản đem góp vốn	(3.296.982.515)	-	(15.751.754)	-	(3.312.734.269)
Thanh lý	-	-	(4.228.659.783)	(419.577.652)	(4.648.237.435)
Số dư cuối năm	39.999.399.558	864.258.394	260.317.647.609	5.715.889.327	306.897.194.888
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	10.947.458.949	261.822.753	229.387.430.988	5.363.181.759	245.959.894.449
Số dư cuối năm	8.869.329.838	300.858.811	200.729.396.943	4.924.236.672	214.823.822.264

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 113.684 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 95.630 triệu), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không thể chấp tài sản cố định hữu hình (31/12/2011: 162.298 triệu VND) tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.306.537.412	61.632.576.075
Tăng trong năm	5.763.158.028	21.054.172.079
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.611.149.985)	(81.380.210.742)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	458.545.455	1.306.537.412
	<hr/>	<hr/>

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	26.605.778.414
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	25.253.527.783
Khấu hao trong năm	267.700.875
	<hr/>
Số dư cuối năm	25.521.228.658
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.352.250.631
Số dư cuối năm	1.084.549.756
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2012			31/12/2011			VND	VND
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết		
<b>Đầu tư công ty con</b>								
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng	836.300	52,27%	52,27%	836.300	52,27%	52,27%	10.651.839.464	10.651.839.464
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	6.498.500	58,55%	58,55%	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	65.148.095.000
							<u>75.799.934.464</u>	<u>75.799.934.464</u>
<b>Đầu tư góp vốn liên doanh</b>								
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	-	50%	50%	7.058.786.163	7.058.786.163
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>								
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%	12,00%	-	12,00%	12,00%	3.600.000.000	1.800.000.000
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	75.000	4,36%	4,36%	75.000	8,73%	8,73%	750.000.000	750.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	500.000	5,00%	5,00%	-	-	-	5.000.000.000	-
							<u>9.350.000.000</u>	<u>2.550.000.000</u>
							<u>92.208.720.627</u>	<u>85.408.720.627</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn							(515.349.029)	(3.745.202.930)
							<u>91.693.371.598</u>	<u>81.663.517.697</u>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.745.202.930	2.242.034.887
Tăng dự phòng trong năm	-	1.786.070.759
Hoàn nhập	(3.229.853.901)	(282.902.716)
Số dư cuối năm	515.349.029	3.745.202.930

**11. Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn	154.723.890.765	90.182.162.374
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15)	-	31.087.818.267
	154.723.890.765	121.269.980.641

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm đáo</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
<b>Loại tiền</b>	<b>(năm)</b>	<b>hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b><i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i></b>				
Khoản vay 1	VND	9,5% - 16,5%	2013	-
Khoản vay 2	USD	3,6% - 5,0%	2013	10.663.632.875
<b><i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i></b>				
Khoản vay 3	VND	12,0%-16,5%	2013	13.586.331.217
Khoản vay 4	USD	4,0% - 4,5%	2013	-
<b><i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i></b>				
Khoản vay 5	VND	7,0% - 14,0%	2013	62.476.284.908
Khoản vay 6	USD	3,0% - 4,5%	2013	27.128.776.588
			154.723.890.765	90.182.162.374

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 6 triệu USD, tương đương 126.180 triệu VND (31/12/2011: Không) và Công ty không thể chấp tài sản cố định hữu hình (31/12/2011: 7.352 triệu VND) (xem thuyết minh số 6 và số 7).

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****12. Phải trả người bán**

Phải trả người bán gồm:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Phải trả công ty con	9.962.103.746	5.621.950.466
Phải trả các công ty liên quan khác	110.382	104.666.155
Phải trả các bên thứ ba	36.027.254.465	24.998.805.394
	<hr/>	<hr/>
	45.989.468.593	30.725.422.015

Khoản phải trả công ty con và các công ty liên quan khác trên không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày từ ngày xuất hóa đơn.

**13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.822.687.447	-
Thuế nhập khẩu	1.543.385	111.778.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.919.281.528	653.664.700
Thuế thu nhập cá nhân	49.211.550	55.250.760
Các loại thuế khác	7.318.200	7.951.320
	<hr/>	<hr/>
	8.800.042.110	828.644.852

**14. Các khoản phải trả khác**

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	212.906.610	166.331.504
Bảo hiểm xã hội	14.010.941	10.349.060
Cổ tức phải trả	28.691.915.375	40.086.090.000
Mua cổ phiếu	-	20.000.000.000
Các khoản phải trả khác	425.000.000	472.663.389
	<hr/>	<hr/>
	29.343.832.926	60.735.433.953

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**15. Vay dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	-	95.286.895.884
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 11)	-	(31.087.818.267)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	-	64.199.077.617
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay dài hạn được thanh toán đủ trước ngày đến hạn để tối thiểu hóa chi phí tài chính phát sinh.

**16. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.681.748.060
Sử dụng dự phòng trong năm	(546.745.843)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.135.002.217)
	<hr/>
Số dư cuối năm	-
	<hr/>

Trong năm, Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Do áp dụng Thông tư 180, Công ty đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc vào thu nhập khác năm 2012.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 789 triệu VND (2011: 641 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

**17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	140.000.000.000	-	(173.591.061)	47.700.748.981	5.696.073.596	80.550.000.394	273.773.231.910
Vốn cổ phần đã phát hành	60.000.000.000	2.172.727.273	-	-	-	-	62.172.727.273
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	98.724.140.050	98.724.140.050
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	173.591.061	-	-	-	173.591.061
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	(136.290.628)	-	-	-	(136.290.628)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.833.000.024)	(4.833.000.024)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	(136.290.628)	47.700.748.981	5.696.073.596	106.441.140.420	361.874.399.642
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	110.316.286.340	110.316.286.340
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-	136.290.628	-	-	-	136.290.628
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.607.931.200)	(6.607.931.200)
Cổ tức (thuyết minh 20)	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	200.000.000.000	2.172.727.273	-	47.700.748.981	5.696.073.596	170.149.495.560	425.719.045.410

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****18. Vốn cổ phần**

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	10.145.000	101.450.000.000	10.145.000	101.450.000.000
	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	20.000.000	200.000.000.000	14.000.000	140.000.000.000
Cổ tức	-	-	700.000	7.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	-	-	5.300.000	53.000.000.000
Số dư cuối năm	20.000.000	200.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

**19. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu****(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Khi quỹ này được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

**(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**20. Cổ tức**

Dại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 40.000 triệu VND (2011: 28.000 triệu VND) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011. Ngoài ra, theo thông báo của Công ty ngày 20 tháng 12 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức là 40.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012.

**21. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	975.042.993.709	843.292.016.932
▪ Bán hàng hóa	522.472.132.058	754.798.815.528
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	12.211.204.590	12.973.185.728
	1.509.726.330.357	1.611.064.018.188
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.654.895.250)	(277.570.826)
	1.507.071.435.107	1.610.786.447.362

**22. Giá vốn hàng bán**

	2012 VND	2011 VND
Thành phẩm đã bán	820.433.512.921	693.534.670.950
Hàng hoá đã bán	505.256.293.394	717.407.840.312
Bất động sản đầu tư cho thuê	4.066.376.874	3.559.437.282
	1.329.756.183.189	1.414.501.948.544

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi		
▪ Các bên liên quan	1.054.201.388	480.085.556
▪ Ngân hàng	1.410.851.168	1.329.932.392
Thu nhập từ cổ tức	5.409.985.993	5.690.750.000
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	3.077.654.454	3.751.684.242
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.597.954	2.758.729.945
	<hr/>	<hr/>
	10.964.290.957	14.011.182.135
	<hr/>	<hr/>

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	11.718.759.336	27.569.842.810
Lỗ từ việc thanh lý đầu tư	-	52.481.488
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	1.786.070.759
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(3.229.853.901)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.081.408.220	19.883.978.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.542.136	4.586.100.830
	<hr/>	<hr/>
	10.575.855.791	53.878.474.510
	<hr/>	<hr/>

**25. Thu nhập khác**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	364.000.000	806.681.841
Thu nhập từ đánh giá lại tài sản góp vốn	4.342.390.515	-
Thu nhập từ việc cho thuê máy móc	257.852.721	531.023.050
Thu phí tiền điện từ các công ty liên quan	5.931.809.692	22.035.422.798
Bán phế liệu	6.850.515.155	10.488.067.804
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.135.002.217	-
Thu nhập khác	4.914.907.382	4.138.231.756
	<hr/>	<hr/>
	23.796.477.682	37.999.427.249
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**26. Chi phí khác**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	-	569.922.487
Chi phí cho thuê máy móc	114.138.308	508.046.633
Chi phí tiền điện cho các công ty liên quan	5.219.809.671	21.353.546.193
Chi phí bán phế liệu	6.348.475.105	9.967.525.748
Chi phí khác	4.223.325.768	3.987.379.782
	<hr/>	<hr/>
	15.905.748.852	36.386.420.843
	<hr/>	<hr/>

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.447.988.228	14.083.692.838
	<hr/>	<hr/>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	130.764.274.568	112.807.832.888
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.691.068.642	28.201.958.222
Chi phí không được khấu trừ thuế	515.939.831	773.400.748
Thu nhập không bị tính thuế	(1.352.496.498)	(1.422.687.500)
Ưu đãi thuế	(11.406.523.747)	(13.468.978.632)
	<hr/>	<hr/>
	20.447.988.228	14.083.692.838
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất 25%.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 Tháng 6 năm 2012, hoạt động của Công ty đáp ứng các điều kiện số lượng lao động tham gia sản xuất và chế biến các sản phẩm dệt may và do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho cả năm của năm 2012.

**28. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, khoản vay phải thu và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	<i>(ii)</i>	57.669.787.600	37.432.041.287
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	<i>(iii)</i>	124.498.829.068	116.432.362.661
		<hr/>	<hr/>
		182.168.616.668	153.864.403.948

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 7 ngày đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Nếu quá thời hạn hoàn trả các khoản phải thu đó chịu lãi suất dao động mỗi tháng từ 1,2% đến 1,5%. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>Gộp 31/12/2012 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND</b>
Trong hạn	35.353.202.320	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	65.000.595.508	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	24.103.731.587	-
Quá hạn trên 180 ngày	137.665.510	(96.365.857)
	124.595.194.925	(96.365.857)

	<b>Gộp 31/12/2011 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND</b>
Trong hạn	62.604.832.328	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	40.498.770.831	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	13.247.426.747	-
Quá hạn trên 180 ngày	162.665.510	(81.332.755)
	116.513.695.416	(81.332.755)

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Số dư đầu năm	81.332.755	-
Tăng dự phòng trong năm	15.033.102	81.332.755
	96.365.857	81.332.755

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	<b>Giá trị ghi số VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	154.723.890.765	155.985.829.449	155.985.829.449	-	-
Phải trả người bán	45.989.468.593	45.989.468.593	45.989.468.593	-	-
Phải trả nhân viên	28.022.306.307	28.022.306.307	28.022.306.307	-	-
Chi phí phải trả	483.431.794	483.431.794	483.431.794	-	-
Phải trả khác	29.343.832.926	29.343.832.926	29.343.832.926	-	-
	<b>258.562.930.385</b>	<b>259.824.869.069</b>	<b>259.824.869.069</b>	-	-

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	<b>Giá trị ghi số VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	90.182.162.374	93.387.471.680	93.387.471.680	-	-
Phải trả người bán	30.725.422.015	30.725.422.015	30.725.422.015	-	-
Phải trả nhân viên	27.374.785.434	27.374.785.434	27.374.785.434	-	-
Chi phí phải trả	698.507.185	698.507.185	698.507.185	-	-
Phải trả khác	60.735.433.953	60.735.433.953	60.735.433.953	-	-
Vay dài hạn	95.286.895.884	113.038.371.483	32.830.868.430	34.681.386.755	45.526.116.298
	<b>305.003.206.845</b>	<b>325.959.991.750</b>	<b>245.752.488.697</b>	<b>34.681.386.755</b>	<b>45.526.116.298</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán, và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ của Công ty, là tiền VND. Đơn vị tiền tệ của những giao dịch này chủ yếu là USD.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.936	5.096
Phải thu khách hàng	186.947	277.127
Phải trả người bán	(1.179.977)	(971.058)
Vay ngắn hạn	(4.429.019)	(3.111.145)
Vay dài hạn	-	(2.744.367)
	(5.390.113)	(6.544.347)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1 USD	20.828	20.828

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng đối với  
lợi nhuận thuần  
VND**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

USD (mạnh thêm 1%) – giảm lợi nhuận thuần

(841.989.556)

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

USD (mạnh thêm 10%) – giảm lợi nhuận thuần

(12.268.687.321)

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	34.000.000.000	10.000.000.000
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	23.669.787.600	27.432.041.287
Vay ngắn hạn	(154.723.890.765)	(121.269.980.641)
Vay dài hạn	-	(64.199.077.617)
	(131.054.103.165)	(158.037.016.971)

Công ty phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm lãi suất cơ bản không ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần của Công ty.

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính được xác định tương ứng với giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính tài chính này.

**(ii) Vay ngắn hạn và các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Giá trị ghi sổ của các nợ phải trả tài chính được xác định tương ứng với giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính tài chính này.

**(iii) Vay dài hạn**

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có sẵn giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ dài hạn này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có sẵn giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**29. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	7.000.000.000
Trả cổ tức bằng vốn góp	1.080.000.000	
Góp vốn bằng tài sản	5.000.000.000	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các công ty con, công ty liên kết, các cổ đông, các giám đốc và các cán bộ điều hành.

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Công ty con</b>				
<b>Công ty cổ phần May Việt Thắng</b>				
Bán thành phẩm	5.913.129.720	13.739.281.884	680.537.180	441.060.327
Doanh thu gia công	145.186.580	12.602.560	-	-
Ký quỹ thuê nhà	-	(25.000.000)	(25.000.000)	(25.000.000)
Thu nhập cho thuê	1.543.327.344	1.154.292.833	-	-
Thu nhập khác	4.195.390.073	4.297.704.891	6.798.370	-
Mua hàng hóa	(14.901.983.260)	(11.784.392.822)	-	-
Thu nhập cổ tức	2.090.750.000	2.090.750.000	2.090.750.000	2.090.750.000
<b>Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An</b>				
Bán thành phẩm	1.805.538.561	119.379.065.823	-	-
Doanh thu gia công	-	15.980.000	-	-
Thu nhập khác	1.447.046.902	1.834.225.915	-	-
Mua hàng hóa	(28.934.311.205)	(181.334.825.656)	-	-
Mua hàng gia công	(90.284.668.752)	(32.006.156.476)	(9.962.103.746)	(5.621.950.466)
Mua khác	(167.367.687)	(32.178.620)	-	-
Khoản vay đã cấp	(3.500.000.000)	(2.400.000.000)	-	2.400.000.000
Thu nhập lãi cho vay	586.430.556	12.000.000	-	-
Thu nhập cổ tức	39.235.993	-	39.235.993	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Công ty liên doanh và liên kết</b>				
<b>Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I</b>				
Bán thành phẩm	46.070.850	147.934.110	-	-
Doanh thu cho thuê	1.100.000.000	750.000.000	455.810.836	776.205.279
Thu nhập khác	1.986.969.368	2.120.297.696	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	9.350.000	-	-
Phân phối cổ tức	(800.000.000)	(800.000.000)	(800.000.000)	-
Thu nhập cổ tức	2.200.000.000	2.700.000.000	3.330.922.000	3.830.922.000
Mua hàng hóa	(154.019.140)	(169.204.120)	-	-
Khoản vay phải thu	-	850.000.000	-	-
Bán cổ phiếu	-	4.800.000.000	-	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Dệt Việt Phú</b>				
Bán thành phẩm	197.785.126.856	232.949.672.032	1.856.180.279	707.209.314
Bán dụng cụ và phụ tùng	9.516.392.030	10.285.718.275	-	-
Doanh thu điện	787.751.610	16.770.311.638	-	-
Doanh thu cho thuê	5.876.181.820	5.876.181.820	-	-
Doanh thu gia công	-	521.235.780	-	-
Thu nhập khác	697.324.970	612.991.412	-	-
Mua hàng hóa	(326.633.790.545)	(355.240.292.681)	-	-
Khoản vay đã cấp	(5.800.000.000)	(5.000.000.000)	-	-
Thu nhập lãi cho vay	467.770.832	443.055.556	-	-
Phân phối cổ tức	(600.000.000)	(600.000.000)	(600.000.000)	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Công ty TNHH Dệt Việt Phú (tiếp theo)</b>				
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	900.000.000	-	450.000.000
Góp vốn	1.800.000.000	-	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	156.000.000	-	-
Bán cổ phiếu	-	3.600.000.000	-	-
<b>Tập đoàn Dệt may Việt Nam</b>				
Phí thành viên	(140.000.000)	(140.000.000)	-	-
Phân phối cổ tức	(19.710.000.000)	(34.310.000.000)	(19.710.000.000)	(19.710.000.000)
Phí kiểm toán	(113.636.364)	-	-	-
Mua cổ phần Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An	-	(32.782.095.000)	-	(20.000.000.000)
Thanh lý khoản đầu tư tại công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex	-	(1.500.000.000)	-	-
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>				
Bán thành phẩm	-	639.915.081	-	345.182.981
Doanh thu gia công	205.708.960	-	-	-
Mua hàng hóa	-	(194.262.285)	-	-
<b>Công ty cổ phần Sợi Phú Bài</b>				
Bán thành phẩm	-	3.600.511.038	-	-
<b>Công ty cổ phần Thương mại Dệt may TP Hồ Chí Minh</b>				
Bán thành phẩm	21.481.408.043	13.939.201.474	969.248.720	2.247.119.370
Doanh thu gia công	-	301.467.360	-	-
Mua hàng hóa	(57.407.779.983)	(23.656.336.644)	(110.382)	(104.666.155)

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Công ty cổ phần Vải Thời trang Phong Phước</b>				
Bán thành phẩm	328.493.204	587.639.086	-	-
Doanh thu gia công	616.749.133	3.979.958.005	165.585.205	754.202.057
Mua hàng hóa	-	(6.298.000)	-	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phước Long</b>				
Doanh thu gia công	-	103.532.040	-	-
<b>Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam</b>				
Bán thành phẩm	-	3.289.067.600	-	-
Mua hàng hóa	-	(4.052.048.842)	-	-
<b>Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex</b>				
Bán thành phẩm	-	1.064.110.250	-	387.750.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>				
Bán thành phẩm	221.905.100	3.529.945.960	157.172.200	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>				
Bán thành phẩm	532.586.500	1.348.613.991	-	-
Doanh thu gia công	15.429.349	-	-	-
<b>Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú-PPJ</b>				
Bán thành phẩm	529.230.000	3.300.419.090	-	-
Doanh thu gia công	15.657.974.157	3.300.419.090	1.717.617.641	168.050.641
Mua hàng hóa	(374.943.140)	-	-	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giao dịch		Số dư tại ngày	
	2012 VND	2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>				
Bán thành phẩm	1.866.094.700	915.560.270	172.262.475	167.626.800
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</b>				
Bán thành phẩm	6.530.965.720	-	385.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định</b>				
Thuê đất	11.402.496	-	-	-
Góp vốn	5.000.000.000	-	-	-
<b>Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý</b>				
Lương và thưởng	4.529.073.000	3.645.909.000	-	-

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**31. Các cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phân ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	828.858.000

**(b) Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	10.813.003.909	9.645.065.172
Từ hai đến năm năm	5.128.263.947	13.681.390.448
	<u>15.941.267.856</u>	<u>23.326.455.620</u>

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.100.137.456.564	1.321.527.650.724
Chi phí nhân công	103.849.222.194	103.555.450.534
Chi phí khấu hao	37.357.313.560	39.505.688.206
Chi phí khác	135.170.125.055	53.868.099.986

**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**33. Số liệu so sánh**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	<b>Mã số</b>	<b>2011 VND (phân loại lại)</b>	<b>2011 VND (theo báo cáo trước đây)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	7.326.643.747	4.626.643.747
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20	72.712.413.939	70.012.413.939
Tiền chi cho vay	23	(8.550.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay	24	5.850.000.000	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(30.820.501.494)	(28.120.501.494)

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập:

Lê Thiết Hùng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đức Khiêm  
Tổng Giám đốc